

Bản án số: 07/2026/HS-ST

Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hà Thị Thu

- Ông Nguyễn Quang Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Vi Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nịnh Văn T**, sinh ngày 15/01/2000, tại tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022200007700 cấp ngày 25/3/2025; nơi cư trú: thôn B, xã K, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Sán Chay; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nịnh Văn Q và bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 19/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ xử phạt 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH T2; địa chỉ trụ sở: thôn G, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Văn H – Chức vụ: Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: anh Phạm Văn Q1, sinh năm 1987; nơi thường trú: tổ C, khu T, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn B, xã K, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 22/8/2025 của ông Đỗ Văn H – Giám đốc Công ty), vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: ông Phạm Văn N và anh Nịnh Văn T1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: tháng 8/2025, Công ty TNHH T2 (viết tắt là Công ty) đang thi công xây dựng tuyến đường thuộc thôn B, xã K, tỉnh Quảng Ninh. Nhà

Nịnh Văn T gần khu vực để vật tư của Công ty, thấy có sơ hở nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khoảng 22 giờ ngày 20/8/2025, T đi bộ từ nhà đến khu vực tập kết vật tư của Công ty thì nhìn thấy có nhiều vật tư xây dựng để ở bãi đất ven đường nhưng không có người trông coi, T đến lấy các thanh sắt rồi vác về nhà bằng nhiều lượt, trong đó có 60 (sáu mươi) thanh sắt xoắn dài 2,1m; 28 (hai mươi tám) thanh sắt xoắn dài 2m; 22 (hai mươi hai) thanh sắt xoắn dài 01m (có đường kính 14, 16 và 20mm). Đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 21/8/2025, khi đã trộm cắp được số tài sản trên, T cất giấu toàn bộ các thanh sắt tại vườn keo bên trái cạnh nhà, sau đó đi ngủ.

Cũng với thủ đoạn như trên, khoảng 22 giờ ngày 21/8/2025, T tiếp tục đi bộ từ nhà đến bãi để vật tư của Công ty để trộm cắp tài sản. Tại nơi tập trung vật tư cách địa điểm trộm cắp ngày 20/8/2025 khoảng 150m, T thấy có 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu INCOE có vỏ nhựa màu đen, loại 12V lắp trong 01 (một) chiếc máy phát điện. T tháo chiếc bình ắc quy ra khỏi máy phát điện rồi xách về nhà, cất giấu tại gầm giường trong phòng ngủ, sau đó quay lại địa điểm này tiếp tục trộm cắp 04 (bốn) thanh sắt hộp kích thước (6x0,05x0,05)m, 05 (năm) thanh sắt hộp kích thước (2,5x0,05x0,05)m, 03 (ba) thanh sắt hộp kích thước (1,4x0,05x0,05)m và 68 (sáu mươi tám) thanh giằng dàn giáo bằng kim loại. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/8/2025, khi đã mang hết số tài sản trên về nhà, T cất giấu ở khu vực sau nhà.

Khoảng 07 giờ ngày 22/8/2025, anh Phạm Văn Q1, là cán bộ kỹ thuật của Công ty, đi kiểm tra vật tư thì phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Công an xã K, tỉnh Quảng Ninh. Cùng ngày, Nịnh Văn T đến Công an xã K đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của Công ty và giao nộp toàn bộ các tài sản đã trộm cắp như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Ninh, kết luận: Tổng 110 thanh sắt xoắn mà T trộm cắp ngày 20/8/2025 có giá trị là 2.625.214 đồng; các tài sản Thu trộm cắp ngày 21/8/2025 gồm: 12 thanh sắt hộp có giá trị là 538.305 đồng; 68 thanh giằng dàn giáo bằng kim loại có giá trị là 683.964 đồng; 01 bình ắc quy có giá trị là 353.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nịnh Văn T đã trộm cắp là 4.200.483 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nịnh Văn T, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, bị cáo còn khai số tài sản trộm cắp cất giấu tại nhà, bị cáo không nói cho ai biết nguồn gốc tài sản, không ai trong gia đình bị cáo hỏi, biết về nguồn gốc tài sản.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại anh Phạm Văn Q1 vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: khoảng 07 giờ ngày 22/8/2025 anh đi kiểm tra công trình đang thi công xây dựng đường của Công ty TNHH T2 thì phát hiện tại bãi tập kết vật liệu vật tư bị kẻ gian lấy trộm 12 thanh sắt hộp, 68 thanh giằng giàn giáo bằng kim loại, 110 thanh sắt xoắn có các kích thước khác nhau với tổng trọng lượng là 551kg và 01 ắc quy nhãn hiệu INCOE.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty TNHH T2 đã nhận lại số tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người làm chứng anh Phạm Văn N vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, anh N còn khai anh làm công nhân tại công trường và được anh Q1 giao trông coi vật liệu và tài sản tại công trường, tài sản bị trộm cắp là của Công ty TNHH T2 nên anh không có ý kiến gì.

Người làm chứng anh Ninh Văn T1 vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: vào các buổi tối ngày 20 và 21/8/2025, anh ngủ ở phòng riêng nên không biết việc T trộm cắp tài sản của Công ty TNHH T2 mang về nhà.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS, ngày 09/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố bị cáo Ninh Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo Ninh Văn T. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị với Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ninh Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo Ninh Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và giữ thái độ im lặng không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: tại phiên tòa bị cáo Ninh Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: khoảng 22 giờ ngày 20/8/2025, tại bãi tập kết vật tư công trường thi công xây dựng cầu đường của Công ty TNHH T2 thuộc

thôn B, xã K, tỉnh Quảng Ninh, Ninh Văn T đã lợi dụng sơ hở trộm cắp 110 thanh sắt xoắn của Công ty, có tổng trị giá là 2.625.214 đồng. Hành vi của bị cáo Ninh Văn T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Mặc dù, bị cáo nhận thức rõ pháp luật nghiêm cấm, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, lười lao động, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của Công ty bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Mặc dù giá trị tài sản chiếm đoạt không thuộc trường hợp đặc biệt lớn và tài sản đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, song xét thấy nhân thân của bị cáo trước đó vào năm 2016, đã bị Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng bị cáo vẫn không lấy đó là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trong chấp hành pháp luật. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo Ninh Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ninh Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, năm 2016 phạm tội khi bị cáo chưa thành niên nên bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Toàn bộ vật chứng thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại cho bị hại Công ty TNHH T2, nên không đề cập xử lý.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về các vấn đề khác*: Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Ninh Văn T vào ngày 21/8/2025, do trị giá tài sản là 1.575.269 đồng, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an xã K đã ra Quyết định xử lý hành chính số 03a/QĐ-XPHC ngày 08/10/2025, bằng hình thức phạt tiền đối với T nên không đề cập xử lý.

[9] *Về án phí*: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] *Về quyền kháng cáo*: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh và hình phạt*: căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Ninh Văn T 07 (bảy) tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. *Về án phí*: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Ninh Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC 10);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Quảng Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh (PV 06);
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương